

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và  
phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của  
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ  
tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP  
ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa  
liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ  
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định  
của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện  
cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2653/TTr-STP ngày  
13 tháng 11 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố và phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 35 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố

tại Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp và Quyết định số 2683/QĐ-BTP ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Chi tiết, theo Phụ lục I đính kèm).

2. Phê duyệt 28 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm).

3. Bãi bỏ 25 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp (Chi tiết, có Phụ lục III đính kèm).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận, luân chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan cập nhật/gỡ bỏ nội dung thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định. Hoàn thành trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC, (1b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Hùng**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH,**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày    tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ**

| STT                                                                                                                     | Tên THC                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                          | Phí, lệ phí                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b> <i>(được công bố tại Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp)</i> |                               |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1                                                                                                                       | Cấp bản sao Trích lục hộ tịch | Ngay sau khi nhận được yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).</li><li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.</li></ul> | 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. | <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li><li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ);</li><li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ);</li><li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch việt nam, phí xác nhận là người gốc việt nam, lệ phí quốc tịch (Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài</li></ul> |

| STT | Tên THC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|---------|---------------------|--------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |         |                     |                    |             | <p>chính);</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của luật hộ tịch và nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);</p> <p><i>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).</i></p> |

| STT | Tên THC                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                     | Phí, lệ phí                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | Xác nhận thông tin hộ tịch | 03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).</li> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.</li> </ul> | 8000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp.</i></li> </ul> |

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

### I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

| STT                                                                                                                           | Tên TTHC                                         | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm thực hiện                                                                                                                          | Phí, lệ phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG</b> ( <i>được công bố theo Quyết định số 2683/QĐ-BTP ngày 09/11/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp</i> ) |                                                  |                                         |                                                                                                                                             |                 |                                                                                                                                                                                             |
| 1                                                                                                                             | Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). | Không quy định. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng;</li> <li>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng .</li> </ul> |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT                                                                                                                  | Tên TTHC                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                          | Phí, lệ phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                             |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG</b> (được công bố theo Quyết định số 2683/QĐ-BTP ngày 09/11/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp) |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                             |                 |                                                                                                                                            |
| 1                                                                                                                    | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). | Không quy định. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng;</li> <li>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |
| 2                                                                                                                    | Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). | Không quy định. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng;</li> <li>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |
| 3                                                                                                                    | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ                                       | - Trường hợp người tập sự tự liên hệ tập sự được với tổ chức hành nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Trung tâm Phục vụ hành chính công                                                                                                           | Không quy định. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng;</li> <li>- Thông tư số 08/2023/TT-</li> </ul>                                    |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                          | Phí, lệ phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                               | <p>công chứng khác nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng;</p> <p>- Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.</p>                                                                                                                                         | tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).                                   |                 | <i>BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp</i>                                                           |
| 4   | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác | <p>- Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xóa đăng ký tập sự là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự.</p> <p>- Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự:</p> <p>+ Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). | Không quy định. | <p>- Luật Công chứng;</p> <p>- <i>Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp</i></p> |

| STT | Tên TTHC                                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                     | Địa điểm thực hiện                                                                                                                          | Phí, lệ phí          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                               |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                              | đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |                                                                                                                                             |                      |                                                                                                                                                              |
| 5   | Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng                         | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). | Không quy định       | - Luật Công chứng;<br>- <i>Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp.</i>                                                                    |
| 6   | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                                                 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). | 3.500.000 đồng/hồ sơ | - Luật Công chứng;<br>- <i>Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/202 của Bộ Tư pháp 3.</i><br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính |



## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| STT                                                                      | Tên TTHC                                | Thời hạn giải quyết                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b> (được công bố theo Quyết định số 2466/QĐ-BTP) |                                         |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1                                                                        | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài. | Ngay sau khi nhận được yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh đối với trẻ em sinh ra ở Việt Nam trong các trường hợp:</p> <p>+ Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch.</p> <p>+ Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.</p> <p>+ Có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.</p> <p>+ Có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch.</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của trẻ em có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là công dân Việt Nam, thực hiện đăng ký khai sinh đối</p> | <p>55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> | <p>- Bộ luật Dân sự;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Bộ Tư pháp) ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ);</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày</p> |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                    | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|----------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                     | với trẻ em sinh ra ở nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam. |             | <p>28/5/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định 1123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp);</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính Phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp);</p> <p>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ</i></p> |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|----------|---------------------|--------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                     |                    |             | <p>tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp)</p> <p>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQHĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương);</p> <p>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng</p> |

| STT | Tên TTHC                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                       |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                    | <i>nhân dân tỉnh Hải Dương).</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 2   | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài. | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                                                                                                                                                                            | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên.                                                                                                                                                                                                                       | 1.000.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |
| 3   | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài. | Ngay sau khi nhận được yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm | - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú cuối cùng của người chết.<br>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết. | 55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;                             | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày</i>                                                                        |

| STT | Tên TTHC                                        | Thời hạn giải quyết                                       | Địa điểm thực hiện                                                                         | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                 | việc).                                                    |                                                                                            | người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.                                                                                                                                                                                                                                                       | 02/8/2023;<br>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;<br>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 4   | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài. | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người được nhận là cha, mẹ, con. | 1.000.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;<br>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;<br>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023. |
| 5   | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước                  | 05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người    | 55.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                 | - Bộ luật Dân sự;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT | Tên TTHC                                       | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                                 | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                             | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | ngoài.                                         | làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.         | giám hộ.                                                           | trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến);<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |
| 6   | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài. | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký giám hộ. | 55.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho                                       | - Bộ luật Dân sự;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;                                                                                        |

| STT | Tên TTHC                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 7   | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch: Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo qui định.</li> <li>- Đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc: 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của người nước ngoài giải quyết việc cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch của người nước ngoài đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</li> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</li> </ul> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư</p> | 25.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 12.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí trong những trường hợp sau: người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</li> </ul> |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|----------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------|
|     |          |                     | <p>trú trong nước; xác định lại dân tộc.</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện việc cải chính nội dung đăng ký khai tử trong Trích lục khai tử hoặc Giấy chứng tử.</p> <p>Trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc mà việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại Sở Tư pháp thì thẩm quyền giải quyết được xác định như sau:</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh thực hiện thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc;</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người đó thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p> |             |                |



| STT | Tên TTHC                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                      | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                     | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                    |                                          | + Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở của Sở Tư pháp đã đăng ký việc hộ tịch trước đây thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 8   | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam.                                                                                                                                                           | 55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;<br>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;<br>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023. |
| 9   | Ghi vào sổ                                                                                                         | 12 ngày kể từ ngày                       | - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết                                                                                                                                                                                                         | 55.000 đồng/ lần                                                                                                                                                                                                                                                                       | - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. | nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | <p>quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn hoặc ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn trước đây thực hiện ghi chú ly hôn.</p> <p>Trường hợp việc kết hôn hoặc ghi chú việc kết hôn trước đây thực hiện tại Sở Tư pháp thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện.</p> <p>- Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện.</p> <p>- Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của công dân Việt Nam thực hiện.</p> <p>Công dân Việt Nam từ nước ngoài về thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi chú ly hôn mà</p> | <p>(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;</p> <p>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i></p> <p>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i></p> <p>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i></p> |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|----------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------|
|     |          |                     | <p>việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Cơ quan đại diện hoặc tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi công dân Việt Nam thường trú thực hiện.</p> <p>- Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu ghi chú ly hôn để kết hôn mới mà việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Cơ quan đại diện hoặc tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ kết hôn mới thực hiện.</p> <p>- Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn để làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc nơi đăng ký kết hôn mới.</p> |             |                |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                         | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện                                                                                                                             | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10  | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch). | Ngay sau khi nhận được yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc). | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.                                                                                                    | 55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |
| 11  | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                       | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày                                                                                                                             | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thực hiện đăng ký lại khai sinh; Trường hợp việc khai sinh trước | 55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với                                                                                                                                                                                                    | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT | Tên TTHC                                                                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                | làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).                                                                                          | đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên;<br>Trường hợp khai sinh trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì việc đăng ký lại khai sinh thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện. | trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |
| 12  | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân. | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày). | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của người Việt Nam định cư tại nước ngoài.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng                | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;                                              |

| STT | Tên TTHC                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                           |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 13  | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài. | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày). | <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn trước đây;</p> <p>Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện;</p> <p>Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp.</p> | <p>1.000.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</li> </ul> |
| 14  | Đăng ký lại khai tử có                    | 05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến                                                                                                     | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đăng ký khai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 55.000 đồng/lần (đối với trường                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT | Tên TTHC           | Thời hạn giải quyết                                    | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | yếu tố nước ngoài. | hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc. | tử cho người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư tại nước ngoài trước đây thực hiện việc đăng ký lại khai tử;<br>Trường hợp việc đăng ký khai tử trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện đăng ký lại khai tử;<br>Trường hợp việc đăng ký khai tử trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người yêu cầu không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp. | hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |

**D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

| STT                                                                                                               | Tên TTHC           | Thời hạn giải quyết                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b> (được công bố theo Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp) |                    |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1                                                                                                                 | Đăng ký khai sinh. | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em;</li> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.</li> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.</li> </ul> | <p>Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự;</li> <li>- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</li> <li>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</li> </ul> |
| 2                                                                                                                 | Đăng ký kết hôn.   | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ                                                                                              | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Miễn lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |



| STT | Tên TTHC                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện                       | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                            | sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc. |                                          |                                                                                                                                                                                                                              | 15/11/2015;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>                                                                                                         |
| 3   | Đăng ký nhận cha, mẹ, con. | Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.                                                                             | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. | 10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |
| 4   | Đăng ký                    | Ngay trong ngày                                                                                                                                                                                              | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả         | 5.000 đồng/ lần                                                                                                                                                                                                              | - Luật Hộ tịch năm 2014;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT | Tên TTHC         | Thời hạn giải quyết                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                       | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | khai tử.         | tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | cấp xã.                                  | (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau:<br>- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;<br>- Đăng ký khai tử đúng hạn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước. | - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |
| 5   | Đăng ký giám hộ. | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.                                                                                     | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. | Miễn lệ phí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | - Bộ luật dân sự năm 2015;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT | Tên TTHC                               | Thời hạn giải quyết                                                         | Địa điểm thực hiện                       | Phí, lệ phí                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                        |                                                                             |                                          |                                                                 | 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023.</i>                                                                                                                                               |
| 6   | Đăng ký chấm dứt giám hộ.              | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.                                | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. | Miễn lệ phí.                                                    | - Bộ luật Dân sự năm 2015;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023.</i> |
| 7   | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin | - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với yêu cầu thay đổi, cải | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. | 10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT | Tên TTHC                               | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện                       | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | hộ tịch.                               | chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.<br>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. |                                          | đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.                               | 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |
| 8   | Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. | Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh thì thời hạn xác minh 20 ngày không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ).                                                                                                                          | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. | 10.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến)<br>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;                                                            |

| STT | Tên TTHC                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                  | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                 | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                      |                                                                                                                                            |                                                                                                                                     | thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.                                                                                                                                                                                           | - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;<br>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;<br>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 9   | Đăng ký lại khai sinh.               | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày). | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú. | 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;<br>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;<br>- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023. |
| 10  | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải                                                                    | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký khai sinh thường trú.                                             | 5.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500                                                                                                                                                             | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | Tên TTHC             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                              | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | sơ, giấy tờ cá nhân. | quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).                                                                         |                                                                                                                                 | đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.          | 28/7/2020;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>                |
| 11  | Đăng ký lại kết hôn. | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày). | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc nơi người yêu cầu đăng ký lại kết hôn thường trú. | 25.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 12.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;<br>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i><br>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i> |
| 12  | Đăng ký lại          | Trong thời hạn 05                                                                                                                          | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả                                                                                                | 5.000 đồng/lần                                                                                                                                                                                                                | - Luật Hộ tịch năm 2014;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết                                                                        | Địa điểm thực hiện                       | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | khai tử. | ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc. | cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây. | (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); là 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).<br>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;</li> <li>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i></li> <li>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i></li> <li>- <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i></li> </ul> |

**Phụ lục II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**Phần 1**  
**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ CẤP TỈNH**

1. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch.
2. Thủ tục Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng.
3. Thủ tục Đăng ký tập sự hành nghề công chứng.
4. Thủ tục Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.
5. Thủ tục Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
6. Thủ tục Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác

**II. QUY TRÌNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN**

1. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch.
2. Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
3. Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
4. Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
5. Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.
6. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
7. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
8. Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
9. Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
10. Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài

**III. QUY TRÌNH NỘI BỘ CẤP XÃ**

1. Thủ tục Đăng ký khai sinh
2. Thủ tục Đăng ký kết hôn
3. Tên quy trình: Đăng ký nhận cha, mẹ, con
4. Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con



5. Thủ tục Đăng ký khai tử
6. Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ
7. Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
8. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
9. Thủ tục Đăng ký lại khai sinh
10. Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
11. Thủ tục Đăng ký lại kết hôn
12. Thủ tục Đăng ký lại khai tử

**Phần 2**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA QUY TRÌNH NỘI BỘ**

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ CẤP TỈNH**

**1. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch.**

**1.1. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.

**1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:**

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                               | Trách nhiệm thực hiện             | Thời gian thực hiện                                              |
|--------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức                  | Trung tâm phục vụ hành chính công | ½ ngày làm việc                                                  |
| <b>B2</b>          | Nhận hồ sơ chuyển phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp              | Văn phòng Sở Tư pháp              | Chuyển ngay sau khi nhận hồ sơ                                   |
| <b>B3</b>          | Kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin hộ tịch, giải quyết hồ sơ | Phòng Hành chính – Hỗ trợ Tư pháp | 1,5 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh là 8,5 ngày làm việc |
| <b>B4</b>          | Phê duyệt kết quả                                                | Lãnh đạo Sở Tư pháp               | ½ ngày làm việc                                                  |
| <b>B5</b>          | Chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính                  | Văn phòng Sở Tư pháp              | ½ ngày làm việc                                                  |
| <b>B6</b>          | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân                                 | Trung tâm phục vụ hành chính công | Không tính thời gian                                             |

**1.3. Diễn giải sơ đồ**

**1.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:**

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tư pháp thường trực tại Trung tâm phục vụ hành chính công thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và bàn giao hồ sơ để chuyển cho Phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

#### *1.3.2. Giải quyết và ký duyệt hồ sơ:*

- Phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc tiếp theo (hoặc 8,5 ngày làm việc trong trường hợp cần phải xác minh), công chức Phòng Hành chính – Hỗ trợ Tư pháp tiến hành giải quyết hồ sơ, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện xác minh thông tin hộ tịch của công dân (nếu cần xác minh). Nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Phòng Hành chính – Hỗ trợ Tư pháp trình Lãnh đạo Sở Tư pháp phê duyệt kết quả.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc tiếp theo, Lãnh đạo Sở Tư pháp kiểm tra, ký cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch hoặc văn bản trả lời, văn bản từ chối.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc tiếp theo, Văn phòng Sở Tư pháp chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công.

#### *1.3.3. Trả kết quả cho người đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch:*

Trung tâm phục vụ hành chính công tiến hành trả kết quả ngay cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch thông qua dịch vụ bưu chính công ích, trả trực tiếp hoặc trực tuyến.

## 2. Thủ tục Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng.

**2.1. Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**2.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:**

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                   | Trách nhiệm thực hiện              | Thời gian thực hiện            |
|--------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân               | Trung tâm phục vụ hành chính công  | ½ ngày                         |
| <b>B2</b>          | Nhận hồ sơ chuyển phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp  | Văn phòng Sở Tư pháp               | Chuyển ngay sau khi nhận hồ sơ |
| <b>B3</b>          | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                        | Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp | 07 ngày                        |
| <b>B4</b>          | Phê duyệt kết quả                                    | Lãnh đạo Sở                        | 02 ngày                        |
| <b>B5</b>          | Chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công | Văn phòng Sở Tư pháp               | ½ ngày                         |
| <b>B6</b>          | Trả kết quả cho cá nhân                              | Trung tâm phục vụ hành chính công  | Không tính thời gian           |

### 2.3. Diễn giải sơ đồ

#### 2.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tư pháp thường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và bàn giao hồ sơ để chuyển cho Phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp trong thời gian 1/2 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

#### 2.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định:

- Phòng Hành chính – Bộ trợ tư pháp, Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày tiếp theo, công chức Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ. Nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp trình Lãnh đạo Sở Tư pháp phê duyệt kết quả.

- Trong thời hạn 02 ngày tiếp theo, Lãnh đạo Sở kiểm tra, ký Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng hoặc văn bản trả lời, văn bản từ chối.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc tiếp theo, Văn phòng Sở Tư pháp chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công.

#### *2.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân:*

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ/kết quả từ Sở Tư pháp và trả hồ sơ/ kết quả cho cá nhân trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

### 3. Thủ tục Đăng ký tập sự hành nghề công chứng.

#### 3.1. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### 3.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                   | Trách nhiệm thực hiện              | Thời gian thực hiện                                            |
|--------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân               | Trung tâm phục vụ hành chính công  | ½ ngày                                                         |
| B2                 | Nhận hồ sơ chuyển phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp  | Văn phòng Sở Tư pháp               | Chuyển ngay sau khi nhận hồ sơ                                 |
| B3                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                        | Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp | 05 ngày làm việc hoặc 08 ngày nếu Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự |
| B4                 | Phê duyệt kết quả                                    | Lãnh đạo Sở                        | 01 ngày làm việc                                               |
| B5                 | Chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công | Văn phòng Sở Tư pháp               | ½ ngày                                                         |
| B6                 | Trả kết quả cho cá nhân                              | Trung tâm phục vụ hành chính công  | Không tính thời gian                                           |

#### 3.3. Diễn giải sơ đồ

### 3.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tư pháp thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển hồ sơ về Phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp để chuyển cho phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp trong thời gian 1/2 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

### 3.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định:

- Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp tiếp nhận hồ sơ và tiến hành giải quyết hồ sơ trong 05 ngày làm việc hoặc 08 ngày nếu Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc tiếp theo, Lãnh đạo Sở kiểm tra, ký Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng hoặc văn bản trả lời, văn bản từ chối.

- Trong thời hạn 1/2 ngày, Văn phòng Sở Tư pháp chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công.

### 3.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân:

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ/kết quả từ Sở Tư pháp và trả hồ sơ/kết quả cho cá nhân trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

#### 4. Thủ tục Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.

##### 4.1. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

##### 4.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                   | Trách nhiệm thực hiện              | Thời gian thực hiện                                            |
|--------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân               | Trung tâm phục vụ hành chính công  | ½ ngày                                                         |
| B2                 | Nhận hồ sơ chuyển phòng Hành chính – Bộ trợ tư pháp  | Văn phòng Sở Tư pháp               | Chuyển ngay sau khi nhận hồ sơ                                 |
| B3                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                        | Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp | 05 ngày làm việc hoặc 08 ngày nếu Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự |
| B4                 | Phê duyệt kết quả                                    | Lãnh đạo Sở                        | 01 ngày làm việc                                               |
| B5                 | Chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công | Văn phòng Sở Tư pháp               | ½ ngày                                                         |
| B6                 | Trả kết quả cho cá nhân                              | Trung tâm phục vụ hành chính công  | Không tính thời gian                                           |



### **4.3. Diễn giải sơ đồ**

#### **4.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:**

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tư pháp thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển hồ sơ về Phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp để chuyển cho phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp trong thời gian 1/2 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

#### **4.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định:**

- Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp tiếp nhận hồ sơ và tiến hành giải quyết hồ sơ trong 05 ngày làm việc hoặc 08 ngày nếu Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc tiếp theo, Lãnh đạo Sở kiểm tra, ký Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng hoặc văn bản trả lời, văn bản từ chối.

- Trong thời hạn 1/2 ngày, Văn phòng Sở Tư pháp chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công.

#### **4.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân:**

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ/kết quả từ Sở Tư pháp và trả hồ sơ/kết quả cho cá nhân trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**5. Thủ tục Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

**5.1. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp người tập sự tự liên hệ tập sự được với tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng;

- Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.

**5.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:**

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                   | Trách nhiệm thực hiện              | Thời gian thực hiện                                            |
|--------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân               | Trung tâm phục vụ hành chính công  | ½ ngày                                                         |
| <b>B2</b>          | Nhận hồ sơ chuyển phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp  | Văn phòng Sở Tư pháp               | Chuyển ngay sau khi nhận hồ sơ                                 |
| <b>B3</b>          | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                        | Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp | 03 ngày làm việc hoặc 08 ngày nếu Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự |
| <b>B4</b>          | Phê duyệt kết quả                                    | Lãnh đạo Sở                        | 01 ngày làm việc                                               |
| <b>B5</b>          | Chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công | Văn phòng Sở Tư pháp               | ½ ngày                                                         |
| <b>B6</b>          | Trả kết quả cho cá nhân                              | Trung tâm phục vụ hành chính công  | Không tính thời gian                                           |

### **5.3. Diễn giải sơ đồ**

#### **5.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:**

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tư pháp thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển hồ sơ về Phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp để chuyển cho phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp trong thời gian 1/2 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

#### **5.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định:**

- Phòng Hành chính - Hỗ trợ tư pháp tiếp nhận hồ sơ và tiến hành giải quyết hồ sơ trong 05 ngày làm việc hoặc 08 ngày nếu Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp trình Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc tiếp theo, Lãnh đạo Sở kiểm tra, ký Thông báo về việc thay đổi nơi tập sự hoặc văn bản trả lời, văn bản từ chối.

- Trong thời hạn 1/2 ngày, Văn phòng Sở Tư pháp chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công.

#### **5.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân:**

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ/kết quả từ Sở Tư pháp và trả hồ sơ/kết quả cho cá nhân trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**6. Thủ tục Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác**

**6.1. Trường hợp Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xoá đăng ký tập sự**

**6.1.1. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6.1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:**

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                   | Trách nhiệm thực hiện              | Thời gian thực hiện            |
|--------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân               | Trung tâm phục vụ hành chính công  | ½ ngày                         |
| <b>B2</b>          | Nhận hồ sơ chuyển phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp  | Văn phòng Sở Tư pháp               | Chuyển ngay sau khi nhận hồ sơ |
| <b>B3</b>          | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                        | Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp | 03 ngày làm việc               |
| <b>B4</b>          | Phê duyệt kết quả                                    | Lãnh đạo Sở                        | 01 ngày làm việc               |
| <b>B5</b>          | Chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công | Văn phòng Sở Tư pháp               | ½ ngày                         |
| <b>B6</b>          | Trả kết quả cho cá nhân                              | Trung tâm phục vụ hành chính công  | Không tính thời gian           |

**6.1.3. Diễn giải sơ đồ**

**6.1.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:**

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tư pháp thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và bàn giao hồ sơ để chuyển về Phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp trong thời gian 1/2 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

*6.1.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định:*

- Phòng Hành chính và Hỗ trợ Tư pháp tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở và tiến hành giải quyết hồ sơ:

Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, chuyên viên thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ với lãnh đạo phòng. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét kết quả thẩm định trình lãnh đạo sở ký duyệt. Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt kết quả trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Văn phòng Sở Tư pháp chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công trong thời hạn 1/2 ngày.

*6.1.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân:*

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ/kết quả và trả hồ sơ/ kết quả cho cá nhân trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

## 6.2. Trường hợp Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự

### 6.2.1. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### 6.2.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                   | Trách nhiệm thực hiện              | Thời gian thực hiện                                            |
|--------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân               | Trung tâm phục vụ hành chính công  | ½ ngày                                                         |
| <b>B2</b>          | Nhận hồ sơ chuyển phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp  | Văn phòng Sở Tư pháp               | Chuyển ngay sau khi nhận hồ sơ                                 |
| <b>B3</b>          | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                        | Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp | 05 ngày làm việc hoặc 08 ngày nếu Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự |
| <b>B4</b>          | Phê duyệt kết quả                                    | Lãnh đạo Sở                        | 01 ngày làm việc                                               |
| <b>B5</b>          | Chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công | Văn phòng Sở Tư pháp               | ½ ngày                                                         |
| <b>B6</b>          | Trả kết quả cho cá nhân                              | Trung tâm phục vụ hành chính công  | Không tính thời gian                                           |

### **6.2.3. Diễn giải sơ đồ**

#### **6.2.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:**

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tư pháp thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển hồ sơ về Phòng Hành chính – Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp trong thời gian 1/2 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

#### **6.2.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định:**

- Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp tiếp nhận hồ sơ và tiến hành giải quyết hồ sơ trong 05 ngày làm việc hoặc 08 ngày nếu Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc tiếp theo, Lãnh đạo Sở kiểm tra, ký Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng hoặc văn bản trả lời, văn bản từ chối.

- Trong thời hạn 1/2 ngày, Văn phòng Sở Tư pháp chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công.

#### **6.2.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân:**

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ/kết quả từ Sở Tư pháp và trả hồ sơ/kết quả cho cá nhân trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

## II. QUY TRÌNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN

### 1. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch.

**1.1. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.

#### 1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                | Trách nhiệm thực hiện                      | Thời gian thực hiện                                              |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến phòng Tư pháp         | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | ½ ngày làm việc                                                  |
| B2                 | Thẩm định, đánh giá, xác minh thông tin hộ tịch, giải quyết hồ sơ | Phòng Tư pháp                              | 1,5 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh là 8,5 ngày làm việc |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                 | Lãnh đạo Phòng Tư pháp                     | ½ ngày làm việc                                                  |
| B4                 | Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện     | Công chức Phòng Tư pháp                    | ½ ngày làm việc                                                  |
| B5                 | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân                                  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Không tính thời gian                                             |

#### 1.3. Diễn giải sơ đồ

##### 1.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Phòng Tư pháp thường trực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và bàn giao hồ sơ về Phòng Tư pháp trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

##### 1.3.2. Giải quyết và ký duyệt hồ sơ:



- Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc tiếp theo (hoặc 8,5 ngày làm việc trong trường hợp cần phải xác minh), công chức Phòng Tư pháp tiến hành giải quyết hồ sơ, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện xác minh thông tin hộ tịch của công dân (nếu cần xác minh). Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Phòng Tư pháp trình Lãnh đạo Phòng Tư pháp cấp huyện phê duyệt kết quả.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc tiếp theo, Lãnh đạo Phòng Tư pháp kiểm tra, ký cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch hoặc văn bản trả lời, văn bản từ chối.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc tiếp theo, Phòng Tư pháp chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

#### *1.3.3. Trả kết quả cho người đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch:*

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện tiến hành trả kết quả ngay cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch thông qua dịch vụ bưu chính công ích, trả trực tiếp hoặc trực tuyến.

## 2. Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

**2.1. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày tính từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### 2.2. Sơ đồ quy trình giải quyết

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                | Trách nhiệm thực hiện                      | Thời gian thực hiện  |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân                            | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | ½ ngày               |
| B2                 | Đánh giá thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn              | Phòng Tư pháp                              | 12 ngày              |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                 | Lãnh đạo UBND cấp huyện                    | 02 ngày              |
| B4                 | Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả               | Công chức Phòng Tư pháp                    | ½ ngày               |
| B5                 | Hướng dẫn công dân ký sổ Đăng ký kết hôn; trả kết quả cho cá nhân | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Không tính thời gian |

### 2.3. Diễn giải sơ đồ

#### 2.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký kết hôn nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

#### 2.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:

- Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến. Trong thời hạn 12 ngày, công chức của Phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, Phòng Tư pháp in Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có yêu cầu); chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo UBND cấp huyện xét duyệt hồ sơ, ký Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có).

- Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả trong thời hạn 02 ngày kể từ khi Phòng Tư pháp trình.

- Trong thời hạn ½ ngày, từ khi lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt hồ sơ, Phòng Tư pháp ghi nội dung vào Sổ đăng ký kết hôn và chuyển Sổ đăng ký kết hôn, Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

### *2.3.3. Trả kết quả:*

Khi đăng ký kết hôn cả hai bên nam, nữ phải có mặt, lãnh đạo Phòng Tư pháp cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có).

### 3. Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài

**3.1. Thời hạn giải quyết:** Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.

#### 3.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                     | Trách nhiệm thực hiện                      | Thời gian thực hiện                                                                                                                    |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức                        | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Thực hiện ngay                                                                                                                         |
| <b>B2</b>          | Thẩm định và giải quyết hồ sơ đăng ký khai tử                          | Phòng Tư pháp                              | Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì chuyển ngày làm việc tiếp theo. Nếu cần xác minh thì không quá 03 ngày làm việc. |
| <b>B3</b>          | Phê duyệt kết quả                                                      | Lãnh đạo UBND cấp huyện                    | Thực hiện ngay                                                                                                                         |
| <b>B4</b>          | Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                    | Phòng Tư pháp                              | Thực hiện ngay                                                                                                                         |
| <b>B5</b>          | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, hướng dẫn công dân ký vào sổ khai tử | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Không tính thời gian                                                                                                                   |

#### 3.3. Diễn giải sơ đồ

##### 3.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký khai tử nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ

phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

### *3.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến, Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ đăng ký khai tử (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì chuyển ngày làm việc tiếp theo. Nếu cần xác minh thì không quá 03 ngày làm việc).

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức hộ tịch in bản chính Trích lục khai tử bản chính, chuyển cho Lãnh đạo phòng Tư pháp kiểm tra, báo cáo lãnh đạo UBND cấp huyện. Lãnh đạo UBND cấp huyện xét duyệt hồ sơ, ký Trích lục khai tử.

- Ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả, Phòng Tư pháp chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

### *3.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn tổ chức, cá nhân ký Sổ đăng ký khai tử, trả kết quả là Trích lục khai tử và Trích lục khai tử bản sao (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

Ngay sau khi tổ chức, cá nhân ký Sổ đăng ký khai tử, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển trả Phòng Tư pháp Sổ hộ tịch để nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch, khóa thông tin người được đăng ký khai tử.

#### 4. Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

4.1. *Thời hạn giải quyết:* 15 ngày tính từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.2. *Sơ đồ quy trình giải quyết:*

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                            | Trách nhiệm thực hiện                  | Thời gian thực hiện  |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân                                        | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Thực hiện ngay       |
| B2                 | Tiến hành niêm yết, xác minh và giải quyết hồ sơ                              | Phòng Tư pháp                          | 12 ngày              |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                             | Lãnh đạo UBND cấp huyện                | 02 ngày              |
| B4                 | Chuyển kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả                     | Phòng Tư pháp                          | ½ ngày               |
| B5                 | Trả kết quả cho cá nhân, hướng dẫn công dân ký vào sổ Đăng ký nhận cha mẹ con | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Không tính thời gian |

#### 4.3. Diễn giải sơ đồ:

##### 4.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

##### 4.3.2. Quy trình thẩm định, ký duyệt hồ sơ:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến, Phòng Tư pháp giải quyết hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trong thời hạn 12 ngày.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ, tiến hành niêm yết việc nhận cha, mẹ, con theo quy định và tiến hành xác minh (nếu cần thiết). Nếu việc đăng ký nhận cha, mẹ, con đủ điều kiện thì công chức in biểu mẫu Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản sao (nếu có yêu cầu).

- Hồ sơ được chuyển cho Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả, ký Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản sao (nếu có), trong thời hạn 02 ngày.

- Trong ½ ngày kể từ khi lãnh đạo UBND cấp huyện ký kết quả, Phòng Tư pháp chuyển hồ sơ/Sổ hộ tịch đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đồng thời chuẩn bị tổ chức đăng ký Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con vào thời điểm ghi trên phiếu hẹn.

#### *4.3.3. Trả kết quả:*

Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt, Phòng Tư pháp ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, cùng các bên ký vào Sổ hộ tịch và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trả là Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản sao (nếu có) cho người yêu cầu.

## 5. Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.

**5.1. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày tính từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:**

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                                           | Trách nhiệm thực hiện                  | Thời gian thực hiện  |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân                                                       | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Thực hiện ngay       |
| <b>B2</b>          | Tiến hành niêm yết, xác minh, giải quyết hồ sơ                                               | Phòng Tư pháp                          | 12 ngày              |
| <b>B3</b>          | Phê duyệt kết quả                                                                            | Lãnh đạo UBND cấp huyện                | 02 ngày              |
| <b>B4</b>          | Chuyển kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả                                          | Phòng Tư pháp                          | ½ ngày               |
| <b>B5</b>          | Trả kết quả cho cá nhân hướng dẫn công dân ký vào sổ Đăng ký khai sinh và sổ nhận cha mẹ con | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Không tính thời gian |

### 5.3. Diễn giải sơ đồ:

#### 5.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển về phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.



### 5.3.2. *Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến, Phòng Tư pháp giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con trong thời hạn 12 ngày.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức hộ tịch tiến hành niêm yết việc nhận cha, mẹ, con theo quy định và tiến hành xác minh (nếu cần thiết). Nếu thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp; việc đăng ký nhận cha, mẹ, con đủ điều kiện thì công chức hộ tịch nhập thông tin khai sinh vào Phần mềm quản lý hộ tịch; in biểu mẫu Giấy khai sinh; Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Giấy khai sinh bản sao; Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản sao (nếu có yêu cầu).

- Hồ sơ được chuyển cho Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả. Trong thời hạn 02 ngày từ khi nhận được hồ sơ do Phòng Tư pháp trình, lãnh đạo UBND cấp huyện ký kết quả.

- Trong thời hạn ½ ngày kể từ khi lãnh đạo UBND cấp huyện ký kết quả, Phòng Tư pháp chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, đồng thời chuẩn bị tổ chức đăng ký Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con vào thời điểm ghi trên phiếu hẹn.

### 5.3.3. *Trả kết quả:*

- Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt, Phòng Tư pháp ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, cùng các bên ký vào Sổ hộ tịch và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Giấy khai sinh; Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Giấy khai sinh bản sao; Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản sao (nếu có) cho người yêu cầu.

**6. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài**

**6.1. Thời hạn giải quyết:** 12 ngày kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:**

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                        | Trách nhiệm thực hiện                  | Thời gian thực hiện  |
|--------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân           | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Thực hiện ngay       |
| <b>B2</b>          | Tiến hành giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân           | Phòng Tư pháp                          | 10 ngày              |
| <b>B3</b>          | Phê duyệt kết quả                                         | Lãnh đạo UBND cấp huyện                | 01 ngày              |
| <b>B4</b>          | Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Phòng Tư pháp                          | ½ ngày               |
| <b>B5</b>          | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân                          | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Không tính thời gian |

**6.3. Diễn giải sơ đồ**

**6.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:**

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

### 6.3.2. *Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định:*

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến, Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong thời hạn 10 ngày.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung vào Sổ hộ tịch; in Trích lục ghi chú kết hôn và Trích lục ghi chú kết hôn bản sao (nếu có yêu cầu). Phòng Tư pháp báo cáo lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả.

- Lãnh đạo UBND cấp huyện xét duyệt hồ sơ, ký Trích lục ghi chú kết hôn và Trích lục ghi chú kết hôn bản sao (nếu có) trong thời hạn 01 ngày và chuyển cho Phòng Tư pháp.

### 6.3.3. *Trả kết quả:*

- Trong thời hạn ½ ngày, Phòng Tư pháp chuyển Sổ hộ tịch, Trích lục ghi chú kết hôn và Trích lục ghi chú kết hôn bản sao (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn ký Sổ hộ tịch và trả kết quả là Trích lục ghi chú kết hôn và Trích lục ghi chú kết hôn bản sao (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

- Ngay sau khi tổ chức, cá nhân ký Sổ đăng ký kết hôn, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển trả Sổ hộ tịch Phòng Tư pháp để cập nhật thông tin vào phần mềm.

**7. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài**

**7.1. Thời hạn giải quyết:** 12 ngày kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**7.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:**

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                        | Trách nhiệm thực hiện                  | Thời gian thực hiện  |
|--------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân           | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Thực hiện ngay       |
| <b>B2</b>          | Tiến hành giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân           | Phòng Tư pháp                          | 10 ngày              |
| <b>B3</b>          | Phê duyệt kết quả                                         | Lãnh đạo UBND cấp huyện                | 01 ngày              |
| <b>B4</b>          | Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Phòng Tư pháp                          | ½ ngày               |
| <b>B5</b>          | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân                          | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Không tính thời gian |

**7.3. Diễn giải sơ đồ**

**7.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:**

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

### 7.3.2. *Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định:*

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến, Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong thời hạn 10 ngày.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung vào Sổ hộ tịch; in Trích lục ghi chú ly hôn và Trích lục ghi chú ly hôn bản sao (nếu có yêu cầu). Phòng Tư pháp báo cáo lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả.

- Lãnh đạo UBND cấp huyện xét duyệt hồ sơ, ký Trích lục ghi chú ly hôn và Trích lục ghi chú ly hôn bản sao (nếu có) trong thời hạn 01 ngày và chuyển cho Phòng Tư pháp để nhập thông tin vào phần mềm.

### 7.3.3. *Trả kết quả:*

- Trong thời hạn ½ ngày, Phòng Tư pháp chuyển kết quả là Trích lục ghi chú ly hôn và Trích lục ghi chú ly hôn bản sao (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trả Trích lục ghi chú ly hôn và Trích lục ghi chú ly hôn bản sao (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

## 8. Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài

**8.1. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).

### 8.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                             | Trách nhiệm thực hiện                      | Thời gian thực hiện                                                                                     |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức                                | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B2                 | Kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại khai sinh | Phòng Tư pháp                              | 3,5 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                              | Lãnh đạo UBND cấp huyện                    | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B4                 | Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                            | Phòng Tư pháp                              | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B5                 | Hướng dẫn công dân ký sổ Đăng ký khai sinh; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Không tính thời gian                                                                                    |

### 8.3. Diễn giải sơ đồ

#### 8.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký lại khai sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

#### 8.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:

- Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc hoặc trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày), công chức của Phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại khai sinh.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, Phòng Tư pháp in Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu); chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả, ký Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có).

- Lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt hồ sơ trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ khi Phòng Tư pháp trình.

- Trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc, từ khi lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt hồ sơ, Phòng Tư pháp ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch chuyển Sổ đăng ký khai sinh, Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

#### 8.3.3. Trả kết quả:

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn ký Sổ khai sinh và trả kết quả là Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

Ngay sau khi tổ chức, cá nhân ký Sổ khai sinh, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển trả Sổ hộ tịch cho Lãnh đạo Phòng Tư pháp.

## 9. Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

**9.1. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).

### 9.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                           | Trách nhiệm thực hiện                      | Thời gian thực hiện                                                                                     |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức                              | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B2                 | Kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh   | Phòng Tư pháp                              | 3,5 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                            | Lãnh đạo UBND cấp huyện                    | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B4                 | Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                          | Phòng Tư pháp                              | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B5                 | Hướng dẫn công dân ký sổ Đăng ký khai sinh; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Không tính thời gian                                                                                    |

### 9.3. Diễn giải sơ đồ

#### 9.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.



### 9.3.2. *Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc hoặc trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày), công chức của Phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, Phòng Tư pháp in Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu); chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả, ký Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có).

- Lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt hồ sơ trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Phòng Tư pháp trình.

- Trong thời hạn ½ ngày làm việc, từ khi lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt hồ sơ, Phòng Tư pháp ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch chuyển Sổ đăng ký khai sinh, Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

### 9.3.3. *Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn ký Sổ khai sinh và trả kết quả là Giấy khai sinh và Trích lục khai sinh bản sao (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

Ngay sau khi tổ chức, cá nhân ký Sổ khai sinh, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển trả Sổ hộ tịch cho Lãnh đạo Phòng Tư pháp.

## 10. Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài

**10.1. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).

### 10.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                           | Trách nhiệm thực hiện                      | Thời gian thực hiện                                                                                     |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân                                       | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B2                 | Kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại kết hôn | Phòng Tư pháp                              | 3,5 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                            | Lãnh đạo UBND cấp huyện                    | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B4                 | Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                          | Phòng Tư pháp                              | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B5                 | Hướng dẫn công dân ký sổ Đăng ký kết hôn; trả kết quả cho cá nhân            | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Không tính thời gian                                                                                    |

### 10.3. Diễn giải sơ đồ

#### 10.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký lại kết hôn nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

### *10.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc hoặc trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày), công chức của Phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại kết hôn.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, Phòng Tư pháp in Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có yêu cầu); chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả, ký Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có).

- Lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt hồ sơ trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Phòng Tư pháp trình.

- Trong thời hạn ½ ngày làm việc, từ khi lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt hồ sơ, Phòng Tư pháp ghi nội dung vào Sổ đăng ký kết hôn và chuyển Sổ đăng ký kết hôn, Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

### *10.3.3. Trả kết quả:*

Khi đăng ký kết hôn cả hai bên nam, nữ phải có mặt, lãnh đạo Phòng Tư pháp cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có).

### III. QUY TRÌNH NỘI BỘ CẤP XÃ

#### 1. Thủ tục Đăng ký khai sinh

**1.1. Thời hạn giải quyết:** Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

#### 1.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                                   | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                          |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu                                      | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Thực hiện ngay                                               |
| B2                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                                                        | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | Ngay sau khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ                            |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                                    | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | Ngay sau khi nhận hồ sơ do Công chức Tư pháp – Hộ tịch trình |
| B4                 | Vào Sổ đăng ký khai sinh                                                             | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | Ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt                   |
| B5                 | Trả kết quả cho người có yêu cầu, hướng dẫn người có yêu cầu ký Sổ đăng ký khai sinh | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian                                         |

#### 1.3. Diễn giải sơ đồ

##### 1.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu và chuyển cho công chức Tư pháp- Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); chuyển hồ sơ để công chức Tư pháp-hộ tịch xử lý. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

### *1.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Công chức Tư pháp-hộ tịch thẩm định, giải quyết hồ sơ ngay sau khi nhận được hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước trên.

- Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì Công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSĐLQGVDC để lấy Sổ định danh cá nhân; in Giấy khai sinh, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh.

- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký ngay sau khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình.

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

### *1.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký khai sinh kiểm tra thông tin trên Giấy khai sinh, trong Sổ đăng ký khai sinh và ký tên vào Sổ đăng ký khai sinh, nhận Giấy khai sinh.

## 2. Thủ tục Đăng ký kết hôn

**2.1. Thời hạn giải quyết:** Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

### 2.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                              | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                                                                      |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu                                 | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Thực hiện ngay                                                                                           |
| B2                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                                                   | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | Ngay sau khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc)                           |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                               | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | Ngay sau khi nhận hồ sơ do Công chức Tư pháp – Hộ tịch trình (trường hợp phải xác minh: ½ ngày làm việc) |
| B4                 | Vào Sổ đăng ký kết hôn                                                          | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | Ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt (trường hợp phải xác minh: ½ ngày làm việc)                   |
| B5                 | Trả kết quả cho hai bên nam nữ, hướng dẫn hai bên nam, nữ ký Sổ đăng ký kết hôn | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian                                                                                     |

### **2.3. Diễn giải sơ đồ**

#### **2.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:**

- Người có yêu cầu đăng ký kết hôn nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu và chuyển cho công chức Tư pháp- Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo; chuyển hồ sơ để công chức Tư pháp-hộ tịch xử lý. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

#### **2.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:**

- Công chức Tư pháp-hộ tịch thẩm định, giải quyết hồ sơ ngay sau khi nhận được hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại các bước trên.

- Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, các bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp từ chối đăng ký kết hôn theo quy định thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc cập nhật thông tin đăng ký kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Giấy chứng nhận kết hôn và trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký.

*Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn xác minh không quá 04 ngày làm việc*

- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký ngay sau khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình (trường hợp phải xác minh thì thời hạn là ½ ngày làm việc).

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (trường hợp phải xác minh thì thời hạn là ½ ngày làm việc).

#### **2.3.3. Trả kết quả:**

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký kết hôn (hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu) kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký tên vào Sổ đăng ký kết hôn, ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

### 3. Tên quy trình: Đăng ký nhận cha, mẹ, con

**3.1. Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

#### 3.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                        | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                                                          |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu                           | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Thực hiện ngay                                                                               |
| B2                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                                             | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | 02 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thời hạn kéo dài thêm không quá 04 ngày làm việc) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                         | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | ½ ngày làm việc                                                                              |
| B4                 | Vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con                                          | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | ½ ngày làm việc                                                                              |
| B5                 | Trả kết quả và hướng dẫn người có yêu cầu ký Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian                                                                         |

### 3.3. Diễn giải sơ đồ

#### 3.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi



giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu và chuyển cho công chức Tư pháp- Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ; chuyển hồ sơ để công chức Tư pháp-hộ tịch xử lý. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

### 3.3.2. *Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc Công chức Tư pháp-hộ tịch tiến hành thẩm định hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm.

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước trên.

+ Nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc cập nhật thông tin đăng ký nhận cha, mẹ, con và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký.

*Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 04 ngày làm việc*

- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình.

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký nhận cha mẹ con vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt.

### 3.3.3. *Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con (cả hai bên phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu) kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con và ký tên vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, nhận Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con.

#### 4. Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con

**4.1. Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

##### 4.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                                                | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                                                          |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu                                                   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Thực hiện ngay                                                                               |
| B2                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                                                                     | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | 02 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thời hạn kéo dài thêm không quá 04 ngày làm việc) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                                                 | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | ½ ngày làm việc                                                                              |
| B4                 | Vào Sổ đăng ký khai sinh và Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con                                          | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | ½ ngày làm việc                                                                              |
| B5                 | Trả kết quả và hướng dẫn người có yêu cầu ký Sổ đăng ký khai sinh và Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian                                                                         |

##### 4.3. Diễn giải sơ đồ

###### 4.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu và chuyển cho công chức Tư pháp- Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ; chuyển hồ sơ để công chức Tư pháp-hộ tịch xử lý. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

#### *4.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc Công chức Tư pháp-hộ tịch tiến hành thẩm định hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm.

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước trên.

+ Nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định thì Công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc cập nhật thông tin đăng ký khai sinh, thông tin đăng ký nhận cha, mẹ, con trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSDLQGVC để lấy Số định danh cá nhân; in Giấy khai sinh và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký.

*Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 04 ngày làm việc*

- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình.

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con vào Sổ đăng ký khai sinh và Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt.

#### *4.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con (cả hai bên phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu) kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, Giấy khai sinh, trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, Sổ đăng ký khai sinh và ký tên vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, Sổ đăng ký khai sinh, nhận Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, Giấy khai sinh.

## 5. Thủ tục Đăng ký khai tử

**5.1. Thời hạn giải quyết:** Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

### 5.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                          | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                          |
|--------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Thực hiện ngay                                               |
| B2                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                               | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | Ngay sau khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ                            |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                           | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | Ngay sau khi nhận hồ sơ do Công chức Tư pháp – Hộ tịch trình |
| B4                 | Vào Sổ đăng ký khai tử                                      | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | Ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt                   |
| B5                 | Trả kết và hướng dẫn người có yêu cầu ký Sổ đăng ký khai tử | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian                                         |

### 5.3. Diễn giải sơ đồ

#### 5.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký khai tử nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu và chuyển cho công chức Tư pháp- Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); chuyển hồ sơ để công chức Tư pháp-hộ tịch xử lý. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

### *5.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Công chức Tư pháp-hộ tịch giải quyết ngay sau khi nhận được hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước trên.
- Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì Công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc cập nhật thông tin đăng ký khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Trích lục khai tử và trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt.
- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký ngay sau khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình.
- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký khai tử vào Sổ đăng ký khai tử ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

### *5.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký khai tử kiểm tra thông tin trên Trích lục khai tử, trong Sổ đăng ký khai tử và ký tên vào Sổ đăng ký khai tử, nhận Trích lục khai tử.

## 6. Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ

**6.1. Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ

### 6.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                                          | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện  |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu                                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Thực hiện ngay       |
| B2                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                                                               | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | 01 ngày làm việc     |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                                           | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | ½ ngày làm việc      |
| B4                 | Vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ                                                             | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | ½ ngày làm việc      |
| B5                 | Trả kết quả cho người có yêu cầu, hướng dẫn người có yêu cầu ký Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian |

### 6.3. Diễn giải sơ đồ

#### 6.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp

hồ sơ trực tiếp) hoặc hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), và chuyển cho công chức Tư pháp - Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

#### *6.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Công chức Tư pháp-hộ tịch thẩm định, giải quyết hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước trên.

- Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì Công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc cập nhật thông tin đăng ký chấm dứt giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký

- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình.

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký chấm giám hộ vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt.

#### *6.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ, trong Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ và ký tên vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, nhận Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ.

## 7. Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

### 7.1. Thời hạn giải quyết:

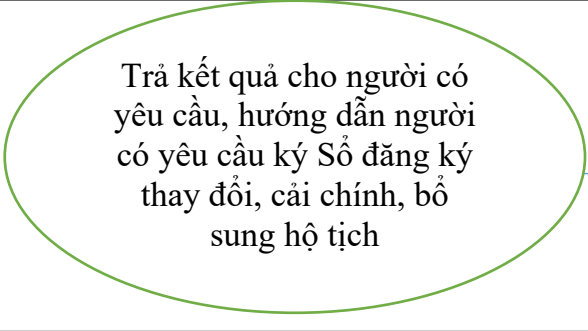
- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

### 7.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                  | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                                                                                                                                                                        |
|--------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>B1</b>          | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu     | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Thực hiện ngay                                                                                                                                                                                             |
| <b>B2</b>          | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                       | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | - 02 ngày làm việc (đối với thay đổi, cải chính hộ tịch) (trường hợp phải xác minh thì thời hạn kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc);<br>- Ngay sau khi hồ sơ, đầy đủ hợp lệ (đối với bổ sung hộ tịch) |
| <b>B3</b>          | Phê duyệt kết quả                                   | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | ½ ngày làm việc (đối với thay đổi, cải chính hộ tịch);<br>Ngay sau khi nhận hồ sơ do Công chức Tư pháp – Hộ tịch trình (đối với bổ sung hộ tịch)                                                           |
| <b>B4</b>          | Vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | ½ ngày làm việc (đối với thay đổi, cải chính hộ tịch);<br>ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt (đối với bổ sung hộ tịch)                                                                             |



|           |                                                                                                                                                                                                          |                                         |                      |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------|
| <b>B5</b> |  <p>Trả kết quả cho người có yêu cầu, hướng dẫn người có yêu cầu ký Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch</p> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------|

### 7.3. Diễn giải sơ đồ

#### 7.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến) và chuyển cho công chức Tư pháp- Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

#### 7.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:

- Công chức Tư pháp-hộ tịch thẩm định, giải quyết hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch); ngay sau khi nhận hồ sơ (đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch).

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước trên.

- Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì Công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc cập nhật thông tin đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký

*Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc*

- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình (đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch); ngay sau khi nhận được hồ sơ do Công chức tư pháp - hộ tịch trình (đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch)

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch trong thời hạn ½ ngày kể từ khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt (đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch); ngay sau khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt (đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch) và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

### 7.3.3. *Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, trong Sổ đăng ký ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch và ký tên vào Sổ đăng ký ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, nhận Trích lục đăng ký ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.

## 8. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

**8.1. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh thì thời hạn xác minh 20 ngày không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ).

### 8.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                                    | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                                                           |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu                                       | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Thực hiện ngay                                                                                |
| B2                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                                                         | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | 02 ngày làm việc (Trường hợp phải xác minh 20 ngày không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                                     | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | ½ ngày làm việc                                                                               |
| B4                 | Vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                          | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | ½ ngày làm việc                                                                               |
| B5                 | Trả kết quả và hướng dẫn người có yêu cầu ký Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian                                                                          |

### 8.3. Diễn giải sơ đồ

#### 8.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND

cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu và chuyển cho công chức Tư pháp- Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ để công chức Tư pháp-hộ tịch xử lý. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

#### *8.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Công chức Tư pháp-hộ tịch thẩm định, giải quyết hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại các bước trên.

- Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc cập nhật thông tin xác nhận tình trạng hôn nhân và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký.

*Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn xác minh 20 ngày không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ*

- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình.

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung xác nhận tình trạng hôn nhân vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong thời hạn ½ ngày kể từ khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt.

#### *8.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân kiểm tra thông tin trên Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, nhận Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

## 9. Thủ tục Đăng ký lại khai sinh

**9.1. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).

### 9.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                             | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                                                                     |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức                                | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B2                 | Kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại khai sinh | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | 3,5 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                              | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B4                 | Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                            | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B5                 | Hướng dẫn công dân ký sổ Đăng ký khai sinh; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian                                                                                    |

### 9.3. Diễn giải sơ đồ

#### 9.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký lại khai sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển cho công chức Tư pháp – Hộ tịch trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi tiếp

nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

#### *9.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc hoặc trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày), công chức Tư pháp – Hộ tịch tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại khai sinh.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Tư pháp – Hộ tịch in Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu); chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có).

- Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi công chức Tư pháp – Hộ tịch trình.

- Trong thời hạn ½ ngày làm việc, từ khi lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ, công chức Tư pháp – Hộ tịch ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch, cùng lãnh đạo UBND cấp xã chuyển Sổ đăng ký khai sinh, Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

#### *9.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn ký Sổ khai sinh và trả kết quả là Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

Ngay sau khi tổ chức, cá nhân ký Sổ khai sinh, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển trả Sổ hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch.

## 10. Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

**10.1. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).

### 10.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                             | Trách nhiệm thực hiện                             | Thời gian thực hiện                                                                                     |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức                                | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã           | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B2                 | Kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại khai sinh | Công chức Tư pháp – Hộ tịch                       | 3,5 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                              | Lãnh đạo UBND cấp xã                              | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B4                 | Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                            | Công chức Tư pháp – Hộ tịch; Lãnh đạo UBND cấp xã | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B5                 | Hướng dẫn công dân ký sổ Đăng ký khai sinh; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã           | Không tính thời gian                                                                                    |

### 10.3. Diễn giải sơ đồ

#### 10.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký lại khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển cho công chức Tư pháp – Hộ tịch trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

### *10.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Công chức Tư pháp – Hộ tịch tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển đến. Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc hoặc trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày), công chức Tư pháp – Hộ tịch tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Tư pháp – Hộ tịch in Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu); chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có).

- Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi công chức Tư pháp – Hộ tịch trình.

- Trong thời hạn ½ ngày làm việc, từ khi lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ, công chức Tư pháp – Hộ tịch ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch, cùng lãnh đạo UBND cấp xã chuyển Sổ đăng ký khai sinh, Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

### *10.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn ký Sổ khai sinh và trả kết quả là Giấy khai sinh và bản sao Giấy khai sinh (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

Ngay sau khi tổ chức, cá nhân ký Sổ khai sinh, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển trả Sổ hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch.



## 11. Thủ tục Đăng ký lại kết hôn

**11.1. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).

### 11.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                           | Trách nhiệm thực hiện                             | Thời gian thực hiện                                                                                     |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân                                       | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã           | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B2                 | Kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại kết hôn | Phòng Tư pháp                                     | 3,5 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                            | Lãnh đạo UBND cấp xã                              | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B4                 | Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                          | Công chức Tư pháp – Hộ tịch; Lãnh đạo UBND cấp xã | ½ ngày làm việc                                                                                         |
| B5                 | Hướng dẫn công dân ký sổ Đăng ký kết hôn; trả kết quả cho cá nhân            | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã           | Không tính thời gian                                                                                    |

### 11.3. Diễn giải sơ đồ

#### 11.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký lại kết hôn nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển cho công chức Tư pháp – Hộ tịch trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

#### *11.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc hoặc trường hợp cần xác minh là 6,5 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày), công chức Tư pháp – Hộ tịch tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác minh thông tin, giải quyết hồ sơ đăng ký lại kết hôn.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Nếu hồ sơ hợp lệ, công chức Tư pháp – Hộ tịch in Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có yêu cầu); chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có).

- Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ khi công chức Tư pháp – Hộ tịch trình.

- Trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc, từ khi lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ, công chức Tư pháp – Hộ tịch ghi nội dung vào Sổ đăng ký kết hôn chuyển Sổ đăng ký kết hôn, Giấy đăng ký kết hôn và Trích lục kết hôn (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

#### *11.3.3. Trả kết quả:*

Khi đăng ký kết hôn cả hai bên nam, nữ phải có mặt, công chức Tư pháp – Hộ tịch cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ và Trích lục kết hôn bản sao (nếu có).

## 12. Thủ tục Đăng ký lại khai tử

**12.1. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.

### 12.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc                                                                 | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                                                           |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1                 | Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người có yêu cầu                                    | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ                                                                  |
| B2                 | Thẩm định và giải quyết hồ sơ                                                      | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | 04 ngày làm việc (trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc) |
| B3                 | Phê duyệt kết quả                                                                  | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | ½ ngày làm việc                                                                               |
| B4                 | Vào Sổ đăng ký khai tử                                                             | Công chức Tư pháp – Hộ tịch             | ½ ngày làm việc                                                                               |
| B5                 | Trả kết quả cho người có yêu cầu, hướng dẫn người có yêu cầu ký Sổ đăng ký khai tử | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Không tính thời gian                                                                          |

### 12.3. Diễn giải sơ đồ

#### 12.3.1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định (nếu có)
- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi

giấy hẹn/mã hồ sơ cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); chuyển cho công chức Tư pháp- Hộ tịch ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người có yêu cầu.

#### *12.3.2. Thẩm định và giải quyết hồ sơ:*

- Công chức Tư pháp-hộ tịch thẩm định, giải quyết hồ sơ ngay trong thời hạn 04 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước trên.

- Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì Công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện cập nhật thông tin đăng ký lại khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Trích lục khai tử và trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt.

*Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 09 ngày làm việc*

- Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt kết quả, ký trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Công chức tư pháp - hộ tịch trình.

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký lại khai tử vào Sổ đăng ký khai tử và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt.

#### *12.3.3. Trả kết quả:*

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký lại khai tử kiểm tra thông tin trên Trích lục khai tử, trong Sổ đăng ký khai tử và ký tên vào Sổ đăng ký khai tử, nhận Trích lục khai tử.

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ**  
*(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND*  
*ngày    tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| Stt                            | Tên quy trình                                                                                                                                                                                            | Quyết định đã phê duyệt                                                      | Ghi chú |
|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| I. Quy trình nội bộ cấp tỉnh   |                                                                                                                                                                                                          |                                                                              |         |
| 1                              | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng.                                                                                                                                                                     | Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. |         |
| 2                              | Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.                                                                                                                    |                                                                              |         |
| 3                              | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.                                |                                                                              |         |
| 4                              | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác. |                                                                              |         |
| II. Quy trình nội bộ cấp huyện |                                                                                                                                                                                                          |                                                                              |         |
| 1                              | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.                                                                                                                                                                    | Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. |         |
| 2                              | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài.                                                                                                                                                                    |                                                                              |         |
| 3                              | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.                                                                                                                                                          |                                                                              |         |
| 4                              | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.                                                                                                                                |                                                                              |         |
| 5                              | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.                                                                                       |                                                                              |         |
| 6                              | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.                                                                      |                                                                              |         |
| 7                              | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài.                                                                                                                                                              |                                                                              |         |
| 8                              | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.                                                                                                                           |                                                                              |         |

| Stt                                 | Tên quy trình                                             | Quyết định đã phê duyệt                                                      | Ghi chú |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 9                                   | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài.                 |                                                                              |         |
| <b>III. Quy trình nội bộ cấp xã</b> |                                                           |                                                                              |         |
| 1                                   | Đăng ký khai sinh.                                        | Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. |         |
| 2                                   | Đăng ký kết hôn.                                          |                                                                              |         |
| 3                                   | Đăng ký nhận cha, mẹ, con.                                |                                                                              |         |
| 4                                   | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con.      |                                                                              |         |
| 5                                   | Đăng ký khai tử.                                          |                                                                              |         |
| 6                                   | Đăng ký chấm dứt giám hộ.                                 |                                                                              |         |
| 7                                   | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.           |                                                                              |         |
| 8                                   | Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.                    |                                                                              |         |
| 9                                   | Đăng ký lại khai sinh.                                    |                                                                              |         |
| 10                                  | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân. |                                                                              |         |
| 11                                  | Đăng ký lại kết hôn.                                      |                                                                              |         |
| 12                                  | Đăng ký lại khai tử.                                      |                                                                              |         |